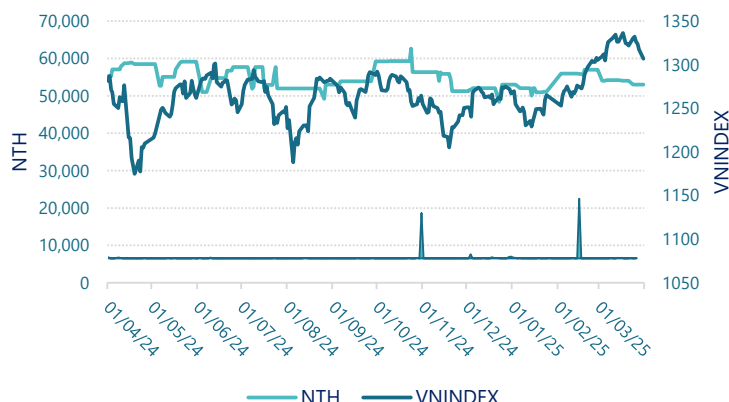


CTCP Thủy điện Nước trong (HNX: NTH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	53,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,641
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,378
SL cổ phiếu LH	10,802,053
KLGD BQ 20 phiên (CP)	570
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	573
P/E	9.9
EPS	5,333

DT thuần

Q1/25

37.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.90 | 11.8%

YoY: ▲ 8.50 | 29.8%

LN sau thuế

Q1/25

21.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.60 | 28.3%

YoY: ▲ 6.30 | 43.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

51.4%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần

2024

108

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.00 | -7.1%

LN sau thuế

2024

51.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.90 | -7.1%

ROE

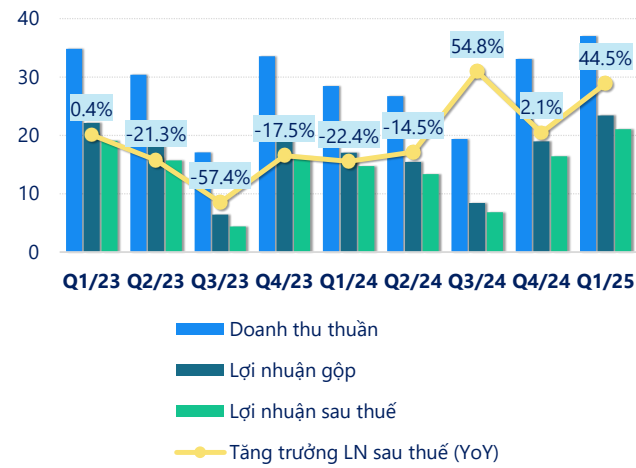
2024

28.1%

+/- YoY: ▼ 2.9%

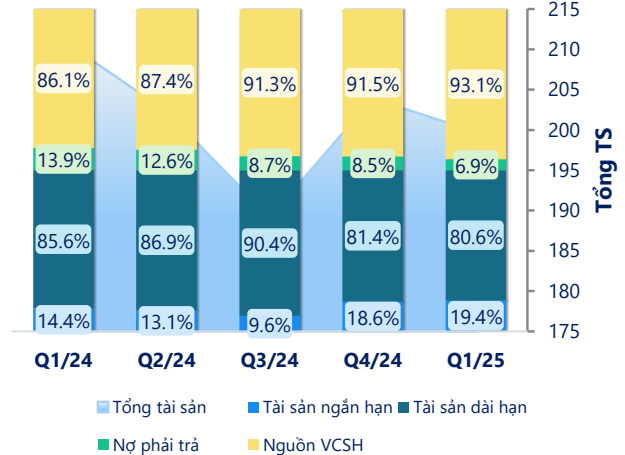
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

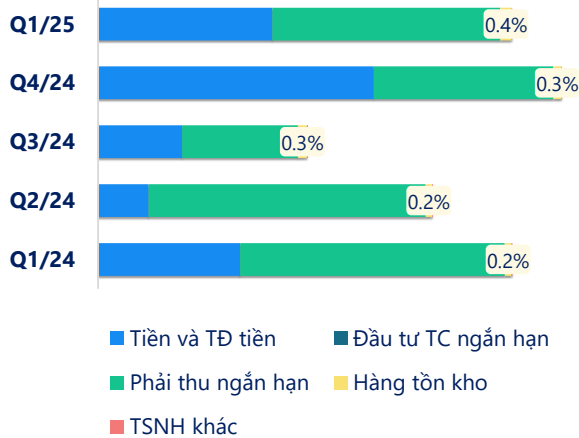


Cơ cấu Tổng tài sản

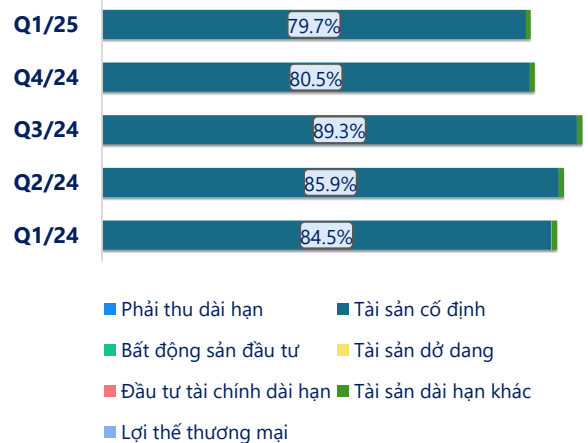
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

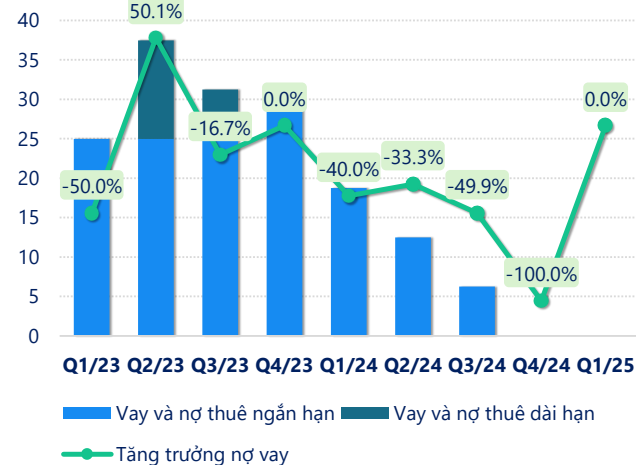


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



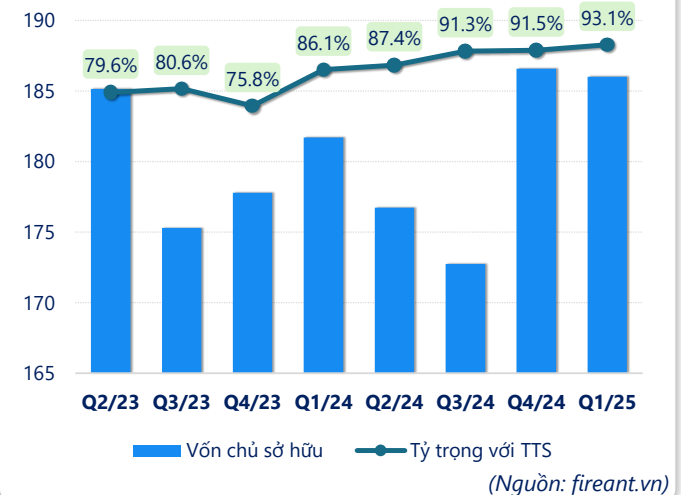
tỷ VNĐ

Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

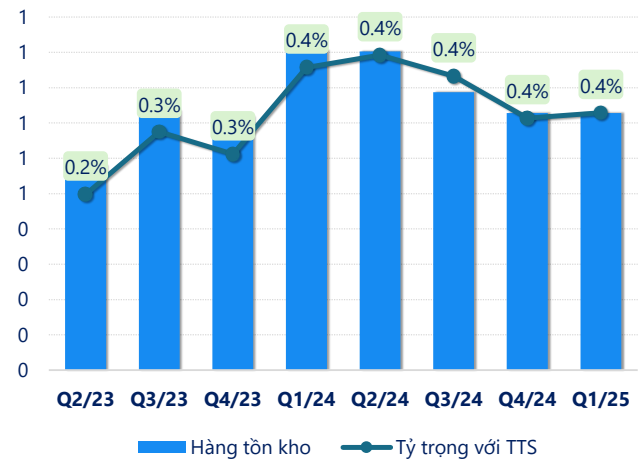


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

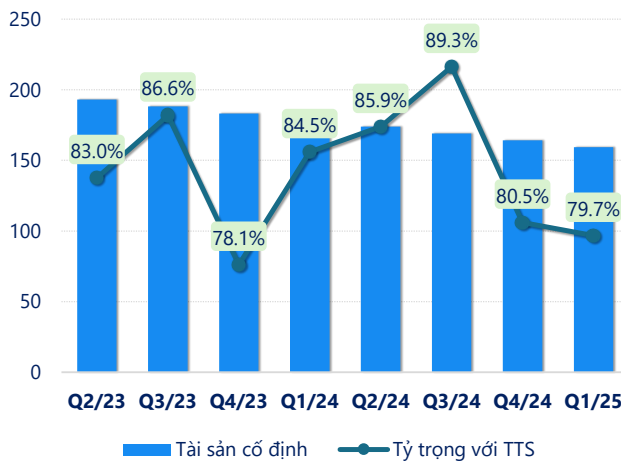

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


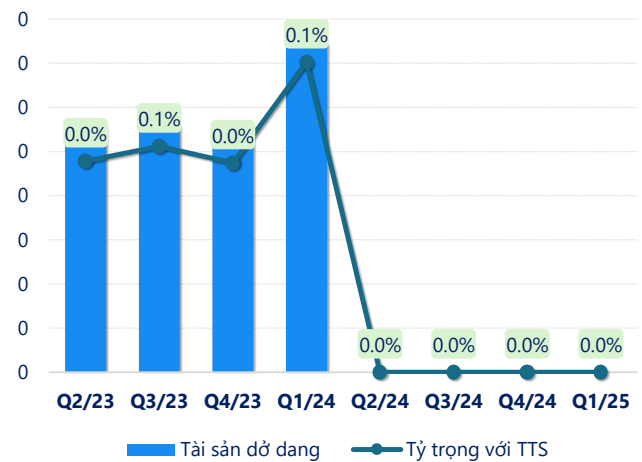
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

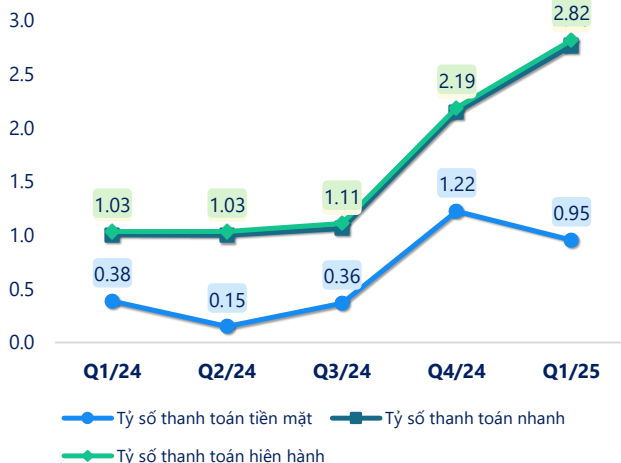
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

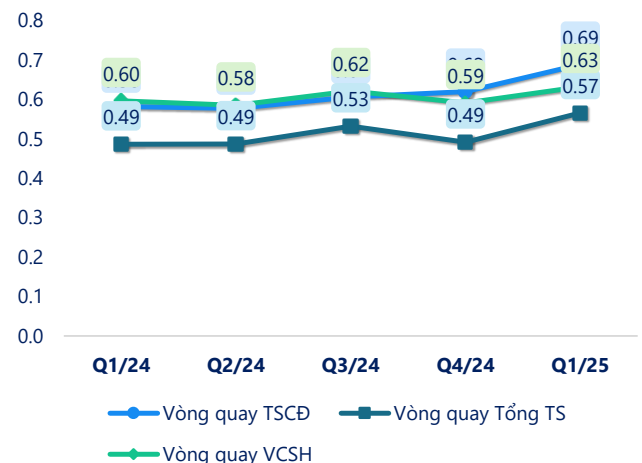
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	211	202	189	204	200
Tài sản ngắn hạn	30.3	26.5	18.2	37.9	38.7
Tiền và tương đương tiền	11.3	3.83	5.99	21.2	13.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	18.1	21.7	11.2	15.9	24.8
Hàng tồn kho	0.90	0.90	0.79	0.73	0.73
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.08	0.21	0.13	0.09
Tài sản dài hạn	181	176	171	166	161
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	178	174	169	164	159
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.15	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.28	2.05	2.02	1.93	1.77
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	29.3	25.6	16.4	17.3	13.7
Nợ ngắn hạn	29.3	25.6	16.4	17.3	13.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.7	12.5	6.26	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.95	2.32	1.33	3.43	2.74
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	182	177	173	187	186
Vốn chủ sở hữu	182	177	173	187	186
Vốn điều lệ	108	108	108	108	108
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)